

Số: 5835 /KH-UBND

Đắk Lắk, ngày 12 tháng 8 năm 2015

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Quyết định số 124/QĐ-TTg ngày 16/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tiếp tục củng cố, kiện toàn chính quyền cơ sở vùng Tây nguyên giai đoạn 2014 – 2020 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Căn cứ Quyết định số 124/QĐ-TTg ngày 16/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tiếp tục củng cố, kiện toàn chính quyền cơ sở vùng Tây nguyên giai đoạn 2014 – 2020 (sau đây gọi tắt là Đề án 124); Kế hoạch số 1764/KH-BNV ngày 26/5/2014 của Bộ Nội vụ hướng dẫn triển khai thực hiện Quyết định số 124/QĐ-TTg về nội dung đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn; Công văn 8042/BTC-NSNN ngày 17/6/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn quản lý sử dụng kinh phí thực hiện Quyết định số 124/QĐ-TTg ngày 16/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ. Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Đề án 124 trên địa bàn tỉnh như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH:

Tỉnh Đắk Lắk có diện tích tự nhiên 1.313.917,27 ha, dân số hơn 1,8 triệu người; với 15 huyện, thị xã, thành phố, gồm 184 xã, phường, thị trấn, trong đó có: 152 xã; 20 phường và 12 thị trấn (có 119 xã loại 1; 61 xã loại 2 và 04 xã loại 3); có 2.471 thôn, buôn và tổ dân phố (1.544 thôn, 608 buôn và 319 tổ dân phố), trong đó có: 617 thôn, buôn thuộc xã biên giới, xã vùng sâu, vùng xa, xã thuộc Chương trình 135.

Trong những năm qua, thực hiện Quyết định số 253/QĐ-TTg, ngày 05/3/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Một số giải pháp củng cố, kiện toàn chính quyền cơ sở vùng Tây Nguyên” giai đoạn 2002-2010; chính quyền cơ sở các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh được củng cố, kiện toàn; công tác đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức đạt chuẩn theo quy định được tiến hành thường xuyên; chất lượng và số lượng cán bộ, công chức cấp xã và những người hoạt động không chuyên trách cấp xã được nâng cao; trụ sở làm việc và trang thiết bị phục vụ cho chính quyền cơ sở từng bước được đầu tư xây dựng, nâng cấp, mở rộng; các chế độ chính sách cho cán bộ cơ sở, nhất là cán bộ người dân tộc thiểu số luôn được quan tâm và thực hiện đầy đủ; công tác quy hoạch, tạo nguồn cán bộ cơ sở, đặc biệt là người dân tộc thiểu số luôn được chú trọng, ... Tuy nhiên, việc củng cố và kiện toàn chính quyền cơ sở thời gian qua vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của tình hình mới.

II. THỰC TRẠNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC VÀ TRỤ SỞ LÀM VIỆC CỦA CHÍNH QUYỀN CẤP XÃ:

1. Về cán bộ, công chức cấp xã:

a) Tổng số cán bộ, công chức cấp xã theo số liệu báo cáo đến 31/12/2014 là 4.299 người, trong đó:

- Cán bộ 2.195 người, gồm:

+ Trình độ văn hóa: Tiểu học 07 người, chiếm 0,32%; THCS 445 người, chiếm 20,27%; THPT 1.743 người, chiếm 79,41%;

+ Trình độ chuyên môn: Sơ cấp và chưa qua đào tạo 754 người, chiếm 34,35%; Trung cấp 759 người, chiếm 34,58%; Cao đẳng 256 người, chiếm 11,66%; Đại học 426 người, chiếm 19,41%;

+ Trình độ LLCT: Sơ cấp và chưa qua đào tạo 1.031 người, chiếm 46,97%; Trung cấp 1.128 người, chiếm 51,39%; Cao cấp 36 người, chiếm 1,64%.

- Công chức 2.104 người, gồm:

+ Trình độ văn hóa: Tiểu học 15 người, chiếm 0,71%; THCS 163 người, chiếm 7,75%; THPT 1.926 người, chiếm 91,54%;

+ Trình độ chuyên môn: Sơ cấp và chưa qua đào tạo 245 người, chiếm 11,64%; Trung cấp 819 người, chiếm 38,93%; Cao đẳng 662 người, chiếm 31,46%; Đại học 378 người, chiếm 17,97%;

+ Trình độ LLCT: Sơ cấp và chưa qua đào tạo 1.455 người, chiếm 69,15%; Trung cấp 649 người, chiếm 30,85%.

b) Tổng số những người hoạt động không chuyên trách ở cơ sở là 16.506 người, trong đó cấp xã là 4.955 người; ở thôn, buôn, tổ dân phố 11.551 người.

2. Trụ sở và trang thiết bị phục vụ hoạt động của hệ thống chính trị cơ sở:

- Hiện nay, toàn tỉnh về cơ bản các xã, phường, thị trấn đều có trụ sở làm việc (184/184 xã, phường, thị trấn); trong những năm qua, được sự quan tâm của các cấp, các ngành các xã, phường, thị trấn đã cơ bản hoàn thành việc sửa chữa, nâng cấp, xây mới theo quy định tại Quyết định số 32/2004/QĐ-BTC, ngày 06/4/2004 của Bộ Tài chính về việc quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc của cơ quan nhà nước tại xã, phường, thị trấn nay là Quyết định số 23/2012/QĐ-TTg ngày 31/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ về quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc của cơ quan nhà nước tại xã, phường, thị trấn; Quyết định 93/2007/QĐ-TTg ngày 22/6/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy chế thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước tại địa phương (*bổ trí thêm 40 m² diện tích phòng làm việc của bộ phận tiếp nhận và trả kết quả đối với UBND cấp xã*). Tuy nhiên, so với thực tế và yêu cầu của nhiệm vụ ở địa phương, hiện nay Trụ sở HĐND&UBND cấp xã chỉ đáp ứng được từ 50% đến 60%, qua rà soát hiện trạng sử dụng các trụ sở làm việc ở cấp xã cho thấy tỉnh Đắk Lắk cần phải tiếp tục đầu tư xây dựng mới 24 trụ sở cấp xã; cải tạo, nâng cấp, mở rộng 106 trụ sở xuống cấp để đảm bảo diện tích làm việc (trong đó có 21 trụ sở xã thuộc diện xã 135 và xã biên giới).

- Về trang thiết bị làm việc từng bước được quan tâm đầu tư, hàng năm UBND các xã, phường, thị trấn đều có dự trù kinh phí để sửa chữa, mua sắm trang thiết bị phục vụ cho công tác chuyên môn. Tuy nhiên so với nhiệm vụ đặt ra trong tình hình mới thì cơ sở vật chất vẫn còn hạn chế như: 07 chức danh

công chức ở một số xã chỉ trang bị từ 01- 02 máy tính, có một số thiết bị do trang bị từ lâu bị xuống cấp nhưng chưa được thay thế, sửa chữa kịp thời, nên chưa đáp ứng được yêu cầu về nâng cao chất lượng hoạt động công vụ và phục vụ giao dịch đối với tổ chức và người dân.

3. Nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã; đầu tư xây dựng Trụ sở HĐND&UBND cấp xã và trang thiết bị làm việc:

a) Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã:

- Đào tạo THPT là 630 người, trong đó: cán bộ 452 người; công chức 178 người.

- Đào tạo trình độ trung cấp chuyên môn là 999 người, trong đó: cán bộ 754 người; công chức 245 người.

- Đào tạo, bồi dưỡng trình độ lý luận chính trị là 2.486 người, trong đó: cán bộ 1.031 người, công chức 1.455 người.

- Bồi dưỡng kiến thức hành chính, quốc phòng – an ninh, tin học văn phòng, kỹ năng thực hiện nhiệm vụ, ... khoản 4.600 lượt người (25 lượt/xã).

b) Đầu tư xây dựng trụ sở làm việc và trang bị thiết bị làm việc của cán bộ, công chức cấp xã:

- Xây dựng trụ sở làm việc ở cấp xã: xây mới 24 trụ sở cấp xã; cải tạo, nâng cấp, mở rộng 106 trụ sở đảm bảo diện tích làm việc và xuống cấp (trong đó có 21 trụ sở xã thuộc diện xã 135 và xã biên giới).

- Dự kiến hỗ trợ trang bị cho mỗi xã (tổng số 184 xã, phường, thị trấn) là 02 bộ máy vi tính (cả máy in kèm theo) để phục vụ hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị ở cơ sở (Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và các đoàn thể).

III. MỤC TIÊU:

1. Mục tiêu chung:

Tiếp tục củng cố, kiện toàn chính quyền cơ sở tại các xã, phường, thị trấn giai đoạn 2014 – 2020; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức cơ sở có bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, năng lực lãnh đạo, quản lý, điều hành và thực thi công vụ; phát huy dân chủ và quyền chủ động của chính quyền cơ sở, tổ chức vận động nhân dân thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước ở địa phương, góp phần xây dựng các huyện, thị xã, thành phố của tỉnh vững mạnh toàn diện.

2. Mục tiêu cụ thể:

a) Mục tiêu đào tạo, bồi dưỡng đến năm 2020:

- 100% cán bộ, công chức cấp xã có trình độ tốt nghiệp THPT;

- 85% cán bộ chuyên trách và 100% công chức cấp xã có trình độ chuyên môn nghiệp vụ từ trung cấp trở lên;

- 85% cán bộ chuyên trách đạt trình độ từ trung cấp lý luận chính trị trở lên và 60% công chức cấp xã đạt trình độ từ sơ cấp lý luận chính trị trở lên;
- 85% trở lên cán bộ, công chức cấp xã là người Kinh công tác ở vùng dân tộc thiểu số sử dụng được ít nhất một thứ tiếng dân tộc tại địa bàn công tác;
- 80% trở lên cán bộ, công chức và những người hoạt động không chuyên trách ở cơ sở được bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý hành chính nhà nước và kiến thức quốc phòng, an ninh, tin học văn phòng;
- 100% đại biểu Hội đồng nhân dân xã, phường, thị trấn được bồi dưỡng nâng cao kiến thức và kỹ năng hoạt động để phát huy vai trò, chức năng là người đại diện cho ý chí, nguyện vọng của nhân dân.

b) Về trụ sở và trang thiết bị làm việc:

Phân đấu đến năm 2020, cơ bản các xã, phường, thị trấn có trụ sở làm việc được kiên cố hóa, đủ điều kiện làm việc; mỗi tổ chức trong hệ thống chính trị cấp xã có phòng làm việc riêng và được trang bị máy vi tính nối mạng internet.

IV. NỘI DUNG:

Để củng cố, kiện toàn chính quyền cơ sở, nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động của chính quyền cơ sở các huyện, thị xã, thành phố tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2014 – 2020, cần tập trung thực hiện một số nội dung sau:

1. Tiếp tục thực hiện các chính sách hiện hành:

a) Chính sách đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cơ sở theo quy định phải đạt chuẩn về trình độ chuyên môn, lý luận chính trị theo Nghị định 112/2011/NĐ-CP, ngày 05/12/2011 của Chính phủ về công chức xã phường, thị trấn; Chỉ thị số 28/CT-TTg, ngày 10/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ về nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước về công tác dân tộc; Quyết định số 04/2004/QĐ-BNV, ngày 16/01/2004 của Bộ Nội vụ về quy định tiêu chuẩn cụ thể đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn và Thông tư số 06/2012/TT-BNV, ngày 30/10/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về chức trách, tiêu chuẩn cụ thể, nhiệm vụ và tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn; Quyết định số 397-QĐ/TU, ngày 04/01/2012 của Tỉnh ủy Đắk Lắk quy định về tiêu chuẩn chức danh cán bộ.

b) Tiếp tục thực hiện công tác quy hoạch, tạo nguồn cán bộ cơ sở, đặc biệt là người dân tộc thiểu số theo Thông tư số 02/2014/TTLT – BNV – UBĐT ngày 11/9/2014 của Bộ Nội vụ và Ủy Ban dân tộc quy định chi tiết hướng dẫn thi hành chính sách cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số quy định tại Điều 11 Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/10/2011 của Chính phủ về công tác dân tộc nhằm đáp ứng yêu cầu về cán bộ, công chức cơ sở cho nhiệm kỳ 2016 – 2021 và thời gian tiếp theo. Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 19-CT/TU, ngày 26/7/1999 của Tỉnh ủy Đắk Lắk về việc đào tạo và sử dụng cán bộ dân tộc.

c) Tiếp tục thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức tăng cường về cơ sở, nhất là đối với các xã đặc biệt khó khăn, xã trọng điểm vùng đồng bào dân tộc thiểu số theo quy định tại Nghị định số 116/2010/NĐ-CP ngày

24/12/2010 của Chính phủ về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

2. Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã đạt chuẩn:

- Về trình độ học vấn trung học phổ thông: Chú trọng đối với cán bộ, công chức là người dân tộc thiểu số ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Chọn cử cán bộ, công chức còn trẻ, có tiềm năng, là nguồn sử dụng lâu dài để đào tạo, bồi dưỡng các tiêu chuẩn còn thiếu, đảm bảo ổn định đội ngũ cán bộ, công chức người tại chỗ.

- Về chuyên môn nghiệp vụ: Đào tạo, bồi dưỡng phải đảm bảo đúng chuyên ngành liên quan đến nhiệm vụ được giao phù hợp với vị trí việc làm theo từng chức danh. Việc đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, công chức cấp xã từ trung cấp trở lên theo quy định của Quyết định số 124/QĐ-TTg ngày 16/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ; đồng thời phối hợp với các chương trình đào tạo cho cán bộ, công chức của tỉnh và của Trung ương.

- Về lý luận chính trị: Đào tạo trình độ trung cấp trở lên đối với cán bộ và trình độ sơ cấp lý luận chính trị trở lên đối với công chức cấp xã.

- Về tiếng dân tộc: Quy định tại Quyết định số 124/QĐ-TTg chủ yếu cho cán bộ, công chức người Kinh chưa biết tiếng dân tộc, công tác tại vùng có đông đồng bào dân tộc (chiếm 85% dân số trở lên).

- Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý hành chính nhà nước và kiến thức quốc phòng, an ninh, tin học văn phòng cho cán bộ, công chức cấp xã và những người hoạt động không chuyên trách ở cơ sở phù hợp với nhiệm vụ cụ thể của từng chức danh.

3. Hỗ trợ cơ sở vật chất và trang thiết bị:

Tăng cường cơ sở vật chất nhằm phục vụ tốt cho hoạt động của hệ thống chính trị cấp xã: Sửa chữa, nâng cấp, mở rộng trụ sở làm việc của các xã, phường, thị trấn và trang bị thiết bị cơ sở vật chất đủ điều kiện làm việc.

V. GIẢI PHÁP:

1. Tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức và những người hoạt động không chuyên trách cấp xã giai đoạn 2014 - 2020 để nâng cao năng lực quản lý, điều hành, thực thi nhiệm vụ đảm bảo chuẩn theo quy định. Ngoài nội dung đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên theo Nghị định số 18/2010/NĐ-CP ngày 05/3/2010 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng công chức và Quyết định số 1374/QĐ-TTg ngày 12/8/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức giai đoạn 2011 - 2015. Thực hiện Kế hoạch số 1764/KH-BNV ngày 26/5/2014 của Bộ Nội vụ, giai đoạn 2014-2020 tập trung đào tạo, bồi dưỡng đạt chuẩn cho 4.968 lượt người, trong đó: đào tạo trung học phổ thông 368 lượt người; đào tạo trình độ trung cấp về chuyên môn 736 lượt người; đào tạo, bồi dưỡng về trình độ lý luận chính trị 920 lượt người; đào tạo tiếng dân tộc cho 552 lượt người và 2.392 lượt người về bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý hành chính nhà nước, kiến thức quốc phòng, an ninh, tin học văn phòng.v.v...

2. Thực hiện các đề án nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã, chính sách phát triển nguồn nhân lực vùng miền núi; chú trọng công tác quy hoạch tạo nguồn cán bộ người dân tộc thiểu số đảm bảo đủ các tiêu chuẩn để bố trí vào các chức danh lãnh đạo chủ chốt ở cấp xã, đưa vào quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý người dân tộc thiểu số phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; gắn việc đào tạo, bồi dưỡng với công tác quy hoạch và bố trí sử dụng, bảo đảm bố trí, sắp xếp tỷ lệ hợp lý cán bộ, công chức là người dân tộc thiểu số. Nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng thông qua việc đổi mới, cải tiến nội dung, chương trình và phương thức đào tạo cho phù hợp với từng loại đối tượng, từng chức danh. Tăng cường kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã.

3. Tiếp tục tăng cường, luân chuyển cán bộ về cơ sở đối với các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã trọng điểm về an ninh chính trị theo các văn bản của cấp có thẩm quyền quy định.

4. Nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã; đổi mới nội dung các kỳ họp, làm tốt chức năng quyết định và chức năng giám sát của Hội đồng nhân dân cấp xã; thực hiện tốt công tác quản lý, điều hành của Ủy ban nhân dân cấp xã trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh. Quan tâm công tác phát triển đảng viên, nhất là đảng viên người dân tộc thiểu số; thực hiện giới thiệu già làng, người có uy tín tham gia vào Mặt trận, đoàn thể chính trị ở thôn hoặc làm trưởng, phó các thôn, buôn để phát huy tốt vai trò của già làng, người có uy tín trong việc vận động quần chúng nhân dân thực hiện chủ trương chính sách của Đảng và pháp luật của nhà nước.

5. Kết hợp nguồn vốn của Trung ương và ngân sách địa phương để tiếp tục thực hiện Quyết định số 1441/QĐ-TTg ngày 06/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch đầu tư trụ sở cấp xã bảo đảm yêu cầu cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước.

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN:

1. Dự toán kinh phí thực hiện Đề án:

a) Dự toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng thực hiện Đề án 124 của tỉnh giai đoạn 2014-2020 là 46.030.000.000 đồng (*chi tiết xem Phụ lục đính kèm*).

b) Về dự toán kinh phí xây dựng, sửa chữa, nâng cấp trụ sở làm việc xã, thị trấn và kinh phí mua mới, sửa chữa trang thiết bị làm việc (chưa xây dựng dự toán do ngân sách địa phương chưa xác định được nguồn).

2. Phân kỳ kinh phí từng năm: (Nội dung đào tạo, bồi dưỡng, cán bộ, công chức cấp xã).

Phân kỳ kinh phí từng năm như sau:

Đơn vị tính: nghìn đồng

Nội dung	2015	2016	2017	2018	2019	2020	Tổng cộng
Đào tạo, bồi dưỡng	3.800.000	9.800.000	10.200.000	7.900.000	7.900.000	6.430.000	46.030.000

3. Nguồn kinh phí:

a) Ngân sách Trung ương thực hiện hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách địa phương khoảng 70% nhu cầu đối với nội dung đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cơ sở từ nguồn chi sự nghiệp đào tạo của ngân sách Trung ương; đồng thời, lồng ghép từ nguồn kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã theo Nghị định số 18/2010/NĐ-CP của Chính phủ và Quyết định số 1956/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

b) Ngân sách tỉnh bảo đảm thực hiện quy hoạch tạo nguồn cán bộ, công chức cơ sở hàng năm và hỗ trợ trang thiết bị cho các tổ chức trong hệ thống chính trị ở cơ sở.

c) Kết hợp nguồn kinh phí từ các chương trình mục tiêu, đề án, dự án quốc gia liên quan đang triển khai thực hiện trên địa bàn vùng Tây Nguyên.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Sở Nội vụ:

- Chủ trì phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan tiếp tục thực hiện có hiệu quả Đề án tiếp tục củng cố, kiện toàn chính quyền cơ sở vùng Tây nguyên giai đoạn 2014 – 2020 của tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các ngành chức năng liên quan xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng theo từng chức danh cán bộ, công chức cấp xã và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã hàng năm. Phối hợp với Trường Chính trị và các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng tổ chức triển khai mở lớp theo các chỉ tiêu về đào tạo, bồi dưỡng theo kế hoạch đã được phê duyệt.

- Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc thực hiện, tổng hợp báo cáo tình hình triển khai thực hiện Kế hoạch và những vướng mắc, kiến nghị, đề xuất trong quá trình thực hiện ở các địa phương.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Chủ trì, phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố và Sở, ngành có liên quan trong việc xây dựng kế hoạch sửa chữa, nâng cấp, mở rộng trụ sở làm việc cấp xã để đảm bảo đủ điều kiện làm việc theo quy định; đồng thời tổng hợp nguồn kinh phí đầu tư xây dựng mới trụ sở HĐND và UBND cấp xã, tham mưu UBND tỉnh trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, giải quyết.

3. Sở Tài chính:

- Chủ trì hướng dẫn Sở Nội vụ sử dụng kinh phí tổ chức mở lớp đào tạo, bồi dưỡng theo kế hoạch được duyệt, có trách nhiệm tổng hợp báo cáo quyết toán kinh phí thực hiện Đề án này đúng quy định; đồng thời có trách nhiệm phân bổ kinh phí thực hiện Đề án trong dự toán ngân sách hàng năm trình HĐND, UBND quyết định.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, các địa phương liên quan đề xuất kế hoạch về nguồn kinh phí sửa chữa, nâng cấp, mở rộng trụ sở làm việc cấp xã và trang bị cơ sở vật chất đủ điều kiện làm việc.

4. Ban Dân tộc tỉnh:

Phối hợp với Sở Nội vụ và các cơ quan, địa phương liên quan tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nội dung về đào tạo, bồi dưỡng, tạo nguồn và thực hiện chế độ, chính sách cho cán bộ, công chức cơ sở là người dân tộc thiểu số.

5. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh:

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan làm tham mưu và tổ chức bồi dưỡng, tập huấn, giáo dục kiến thức quốc phòng, an ninh đối với đội ngũ cán bộ, công chức và những người hoạt động không chuyên trách ở cơ sở theo lộ trình; tập trung xây dựng lực lượng công an cơ sở, Ban chỉ huy quân sự cấp xã và dân quân tự vệ vững mạnh là lực lượng nòng cốt trong xây dựng thể trận an ninh nhân dân và thể trận quốc phòng toàn dân ở cơ sở.

6. Báo Đắc Lắc, Đài phát thanh – Truyền hình tỉnh:

- Phối hợp với các Sở, ban, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố xây dựng các chuyên trang, chuyên mục để tuyên truyền Đề án tiếp tục củng cố, kiện toàn chính quyền cơ sở vùng Tây nguyên giai đoạn 2014 – 2020 của tỉnh

- Chỉ đạo tăng cường thời lượng phát sóng tiếng dân tộc trên sóng phát thanh và Truyền hình của tỉnh và ở các địa phương.

7. UBND các huyện, thị xã, thành phố:

- Chủ động phối hợp với Sở Nội vụ và các cơ quan có liên quan triển khai thực hiện các nội dung của Kế hoạch này. Chú trọng công tác quy hoạch tạo nguồn cán bộ chủ chốt nhiệm kỳ 2016 - 2020.

- Báo cáo định kỳ hàng năm cho UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) tình hình triển khai thực hiện Kế hoạch này ở địa phương mình.

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vướng mắc, khó khăn các đơn vị, địa phương báo cáo kịp thời về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để kịp thời hướng dẫn, giải quyết./.

Nơi nhận: ~~v/v~~

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Tài chính;
- BCĐ Tây Nguyên;
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành của tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Đài Phát thanh truyền hình tỉnh;
- CVP, Đ/c Bình PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH (70 b).

CHỦ TỊCH



Phạm Ngọc Nghị

CHI TIẾT DỰ TOÁN KINH PHÍ TÍNH CHO 1 LỚP ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC VÀ NHỮNG NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH CẤP XÃ THEO ĐỀ ÁN 124

(Kèm theo Kế hoạch số: 583/KH-UBND, ngày 12/ 8/2015 của UBND tỉnh)

TT	Nội dung chi	Đào tạo văn hóa THPT (74 người/lớp)		Trung cấp chuyên môn nghiệp vụ (92 người/lớp)		Trung cấp Lý luận chính trị (92 người/lớp)		Đào tạo, bồi dưỡng tiếng dân tộc (55 người/lớp)		Bồi dưỡng kiến thức hành chính, QP-AN, tin học VP (92 lượt người/lớp)	
		Định mức chi	Thành tiền	Định mức chi	Thành tiền	Định mức chi	Thành tiền	Định mức chi	Thành tiền	Định mức chi	Thành tiền
1	Học phí	300.000đ/người/tháng x 09 tháng/năm x 03 năm x 74 lượt người	599.400.000	2.000.000đ/người/học kỳ x 02 học kỳ/năm x 02 năm x 92 lượt người	736.000.000	3.000.000đ/người x 92 lượt người	276.000.000	Khoán kinh phí đào tạo 3.000.000đ/người x 55 người (bao gồm tài liệu, học phí, nước uống...)	165.000.000		
2	Tài Liệu	300.000đ/người/năm x 03 năm x 74 người	66.600.000	300.000đ/người/năm x 02 năm x 92 người	55.200.000	100.000đ/người x 92 người	9.200.000			150.000đ/người x 92 lượt người	13.800.000
4	Hỗ trợ học viên	30.000đ/người/ngày x 265 ngày (thực học)/năm x 03 năm x 74 người	1.764.900.000	30.000đ/người/ngày x 265 ngày (thực học)/năm x 02 năm x 92 người	1.462.800.000	30.000đ/người/ngày x (06 tháng x 22 ngày) x 92 người	364.320.000	30.000đ/người/ngày x 72 ngày (thực học) x 55 người	118.800.000	50.000đ/người/ngày x 07 ngày (thực học) x 92 lượt người	32.200.000
5	Nước uống cho học viên	50.000đ/ngày x 265 ngày (thực học) x 3 năm	39.750.000	100.000đ/ngày x 265 ngày (thực học)/năm x 02 năm	53.000.000	100.000đ/ngày x (06 tháng x 22 ngày)	13.200.000			120.000đ/ngày/lớp x 07 ngày	840.000
6	Khảo sát thực tế					3.000.000đ/người x 92 người	276.000.000				
7	Thù lao giảng viên									1.000.000đ/ngày x 07 ngày (thực học)	7.000.000
8	Thuê hội trường, thuê máy chiếu, VP phẩm, điện nước, chấm bài thi, ...									4.500.000đ/ngày x 07 ngày (thực học)	31.500.000
9	Quản lý lớp học 10%							10% tổng kinh phí	29.480.000	10% tổng kinh phí	9.034.000
10	Khai, bế giảng, cấp chứng chỉ							Cấp chứng chỉ 200.000đ/người x 55 người	11.000.000	5.000.000đ/lớp	5.000.000
Cộng:			2.470.650.000		2.307.000.000		938.720.000		324.280.000		99.374.000

KẾ HOẠCH VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ TO CHỨC CÁC LỚP ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN

BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ TỪ NĂM 2015-2020

(Kèm theo Kế hoạch số: 5835/KH-UBND, ngày 14/8/2015 của UBND tỉnh)

Số TT	Lớp	Số lượng người/lớp	Số lượng lớp	Tổng số lượt người	Định mức/lớp (đồng)	Thanh tiền (đồng)	Ghi chú
I	1	Đào tạo THPT (tính cho 03 lớp: 10, 11, 12)	74	-	-	2.470.650.000	
	2	Đào tạo TC chuyên môn	92	1	92	2.307.000.000	
	3	Đào tạo TC LLCT	92	1	92	938.720.000	
	4	Đào tạo tiếng dân tộc	55	1	55	324.280.000	
	5	Bồi dưỡng kiến thức HC, QP-AN, tin học VP	92	2	184	99.374.000	198.748.000
Năm 2016							
II	1	Đào tạo THPT (tính cho 03 lớp: 10, 11, 12)	74	1	74	2.470.650.000	
	2	Đào tạo TC chuyên môn	92	2	184	2.307.000.000	4.614.000.000
	3	Đào tạo TC LLCT	92	2	184	938.720.000	1.877.440.000
	4	Đào tạo tiếng dân tộc	55	2	110	324.280.000	648.560.000
	5	Bồi dưỡng kiến thức HC, QP-AN, tin học VP	92	2	184	99.374.000	198.748.000
Năm 2017							
III	1	Đào tạo THPT (tính cho 03 lớp: 10, 11, 12)	74	13	74	2.470.650.000	
	2	Đào tạo TC chuyên môn	92	2	184	2.307.000.000	4.614.000.000
	3	Đào tạo TC LLCT	92	2	184	938.720.000	1.877.440.000
	4	Đào tạo tiếng dân tộc	55	2	110	324.280.000	648.560.000
	5	Bồi dưỡng kiến thức HC, QP-AN, tin học VP	92	6	552	99.374.000	596.244.000
Năm 2018							
IV	1	Đào tạo THPT (tính cho 03 lớp: 10, 11, 12)	74	1	74	2.470.650.000	
	2	Đào tạo TC chuyên môn	92	1	92	2.307.000.000	2.307.000.000
	3	Đào tạo TC LLCT	92	2	184	938.720.000	1.877.440.000
	4	Đào tạo tiếng dân tộc	55	2	110	324.280.000	648.560.000
	5	Bồi dưỡng kiến thức HC, QP-AN, tin học VP	92	6	552	99.374.000	596.244.000
Năm 2019							
V	1	Đào tạo THPT (tính cho 03 lớp: 10, 11, 12)	74	1	74	2.470.650.000	
	2	Đào tạo TC chuyên môn	92	1	92	2.307.000.000	2.307.000.000
	3	Đào tạo TC LLCT	92	2	184	938.720.000	1.877.440.000
	4	Đào tạo tiếng dân tộc	55	2	110	324.280.000	648.560.000
	5	Bồi dưỡng kiến thức HC, QP-AN, tin học VP	92	6	552	99.374.000	596.244.000
Năm 2020							
VI	1	Đào tạo THPT (tính cho 03 lớp: 10, 11, 12)	74	1	74	2.470.650.000	
	2	Đào tạo TC chuyên môn	92	1	92	2.307.000.000	2.307.000.000
	3	Đào tạo TC LLCT	92	1	92	938.720.000	938.720.000
	4	Đào tạo tiếng dân tộc	55	1	55	324.280.000	324.280.000
	5	Bồi dưỡng kiến thức HC, QP-AN, tin học VP	92	4	368	99.374.000	397.496.000
Tổng cộng (giai đoạn 2015-2020):							
1	Đào tạo THPT (tính cho 03 lớp: 10, 11, 12)	74	5	370	2.470.650.000	12.353.250.000	
2	Đào tạo TC chuyên môn	92	8	736	2.307.000.000	18.456.000.000	
3	Đào tạo TC LLCT	92	10	920	938.720.000	9.387.200.000	
4	Đào tạo tiếng dân tộc	55	10	552	324.280.000	3.242.800.000	
5	Bồi dưỡng kiến thức HC, QP-AN, tin học VP	92	26	2.392	99.374.000	2.583.724.000	
46.022.974.000							

Lưu ý: Tổng số: 46.030.000.000 đồng; bảng chữ: Bón mươi sáu tỷ, không trăm ba mươi triệu đồng.